



Saigon Montessori Kindergarten Application for Admission

Photograph
3x4

GENERAL INFORMATION

Family name (Họ) _____ First name (Tên) _____ Nick name (Tên gọi khác) _____

Date of birth (Ngày sinh) _____ Gender (Giới tính) _____ Passport Number (Số hộ chiếu) _____

Place of birth (Nơi sinh) _____ Nationality (Quốc tịch) _____

Address (Địa chỉ) _____

Languages spoken (Ngôn ngữ chính) _____ Other languages (Ngôn ngữ khác) _____

Child's previous school (Tên trường đã học): _____

Intended start day (Ngày dự kiến nhập học): _____

CONTACT INFORMATION

Father's name (Họ tên bố) _____ Nationality (Quốc tịch) _____

Occupation (Nghề nghiệp) _____ Name of company (Tên công ty) _____

Cell phone (ĐTDD) _____ Email _____

Mother's name (Họ tên mẹ) _____ Nationality (Quốc tịch) _____

Occupation (Nghề nghiệp) _____ Name of company (Tên công ty) _____

Cell phone (ĐTDD) _____ Email _____

Child lives with (Bé sống cùng): _____

Legal guardian's name (Tên người giám hộ) _____ Cell phone (ĐTDD) _____

(Complete Guardian line if student is not living with one or both parents)

Emergency contact (Thông tin liên hệ trong trường hợp khẩn cấp):

1. Name (Họ và tên) _____ Cell phone (ĐTDD) _____ Relationship to child (Mối quan hệ với trẻ) _____

2. Name (Họ và tên) _____ Cell phone (ĐTDD) _____ Relationship to child (Mối quan hệ với trẻ) _____

Sibling information (Thông tin anh, chị, em ruột)

1. Name (Họ và tên) _____ D.O.B (Ngày sinh) _____ Gender (Giới tính) _____

2. Name (Họ và tên) _____ D.O.B (Ngày sinh) _____ Gender (Giới tính) _____

3. Name (Họ và tên) _____ D.O.B (Ngày sinh) _____ Gender (Giới tính) _____

CHILD'S MEDICAL HISTORY

(Please attach the details of medical report if you child has serious medical condition)

Has your child been involved in any development support program? (Bé có theo học bất kỳ chương trình hỗ trợ phát triển nào không?)

No Yes *(If yes, specify) e.g. speech therapy* _____

Does your child have a formal or informal diagnosis of some type (Learning Disability, PDD, ADHD, etc.)?

(Bé có bị chẩn đoán về một số hội chứng như mất khả năng học tập, rối loạn phát triển lan tỏa, rối loạn tăng động giảm chú ý,...)

(If yes, please describe history of who conducted testing, concluded diagnosis, approximate date of diagnosis, and enclose report) _____

Has child ever had any difficulty with hearing, seeing or other bodily function? (Trẻ có bất kỳ khó khăn nào trong việc nghe, nhìn hoặc thực hiện một số chức khác của cơ thể) _____

Describe any special help which was given to correct it (Mô tả bất kỳ sự trợ giúp đặc biệt nào đã được đưa ra để giúp bé cải thiện)

Does your child have any medical diagnosis, health, asthma, allergy issues? (Bé có bị bất kỳ chẩn đoán về y tế, sức khỏe, hen suyễn, hoặc dị ứng với bất kỳ điều gì không) No Yes (If yes, please indicate the substance(s) to which your child is allergic)

Is your child taking any medication? If so, name and dosage (Bé có đang phải dùng bất kỳ thuốc điều trị nào không? Nếu có vui lòng ghi rõ tên thuốc và liều dùng) _____

Other medical information the school should be aware of (Những thông tin khác về sức khỏe nhà trường cần lưu ý)

What foods are particularly liked? (Những món ăn bé thích) _____

What foods are refused? (Những món ăn bé không thích) _____

What time does child go to bed at night? (Buổi tối bé đi ngủ lúc mấy giờ?) _____

What time does child arise in morning? (Buổi sáng bé thức dậy lúc mấy giờ?) _____

Are there any sleeping problems? (Bé có bất kỳ vấn đề nào về giấc ngủ không?) _____

Words she/he uses when needing to go to bathroom (Khi cần đi vệ sinh bé sẽ diễn tả như thế nào?) _____

Is your child completely potty trained, including dry at night? (Bé đã hoàn toàn bỏ thói quen mặc tã chưa?) _____

Does your child dress and undress him/herself? (Bé có thể tự mặc / cởi quần áo không?) _____

FAMILY AND CHILD INTERACTION

Are there adults, other than parents, now living at home? (Ở nhà bé sống cùng ai ngoài ba và mẹ?) _____

List child's favorite toys and activities (Kể tên các món đồ chơi và các trò chơi bé yêu thích) _____

How much (TV, computer, smart phone...) does he / she watch? (Hàng ngày bé dành bao nhiêu thời gian để xem TV, điện thoại hoặc máy tính?) _____

What are his / her favorite programs? (Các chương trình yêu thích của bé là gì?) _____

Do you have any special concerns about your child? (*i.e. anxiety, fears, separation*)(Phụ huynh có bất kỳ mối quan tâm đặc biệt nào về bé không ví dụ như các mối lo ngại hay sự sợ hãi ...) _____

What seems to help the problem? (Ý kiến của quý phụ huynh để giúp giải quyết các vấn đề trên?) _____

How much does he / she get along with other children? (Bé hòa nhập với các bạn như thế nào?) _____

Describe any recurring fears your child exhibits (Khi sợ hãi bé có những biểu hiện như thế nào?) _____

What is done to deal with these fears? (Bé vượt qua nỗi sợ như thế nào?) _____

DISCIPLINE

What methods of directing his / her behavior do you most often use? (Những phương pháp quý phụ huynh thường thực hiện để thay đổi một số hành vi của bé)

- | | |
|--|--|
| <input type="checkbox"/> Redirection of interest (Chuyển hướng quan tâm của bé) | <input type="checkbox"/> Reasoning (Tìm hiểu lý do) |
| <input type="checkbox"/> Prevention of undesirable behavior before it occurs (Ngăn chặn hành vi trước khi xảy ra) | <input type="checkbox"/> Threatening, if “you don’t..., I will...” (Đe dọa) |
| <input type="checkbox"/> Ignoring the behavior (Bỏ qua hành vi đó) | <input type="checkbox"/> Comparing child with another (So sánh bé với trẻ khác) |
| <input type="checkbox"/> Scolding (La mắng) | <input type="checkbox"/> Isolation (Cô lập bé) |
| <input type="checkbox"/> Spanking (Phạt đòn) | <input type="checkbox"/> Listening feedback to help child solve his own problem (Lắng nghe phản hồi để giúp bé tự giải quyết vấn đề) |
| <input type="checkbox"/> Depriving of some fun (Từ chối một số điều bé thích) | <input type="checkbox"/> Substitution of one activity now until the desired activity can be done later (Thay thế một hoạt động khác cho đến khi bé đã thực hiện xong hoạt động được yêu cầu) |
| <input type="checkbox"/> Problem-solving to focus on real needs (Giải quyết vấn đề để tập trung vào nhu cầu thực tế) | |

Other methods (Phương pháp khác): _____

OTHER INFORMATION

What do you expect your child to get from SMIK as compared to another school? (Quý phụ huynh kỳ vọng những gì từ SMIK so với những trường khác?) _____

How did you hear about us? (Quý phụ huynh biết đến thông tin trường qua những nguồn nào?) _____

Required additional documentation (Những hồ sơ cần bổ sung)

The following documentation is required to complete your child application. Please bring a copy of all documentation and submit to the School by the time of enrollment. (Để hoàn tất hồ sơ nhập học, quý phụ huynh vui lòng gửi về văn phòng trường bản sao những hồ sơ được yêu cầu bên dưới)

- Passport or birth certificate (Hộ chiếu hoặc giấy khai sinh)
- 4 photographs size 3×4 (4 tấm ảnh size 3×4)
- Hospital record or immunization record - must include an official signature (doctor, nurse etc.) (Hồ sơ bệnh viện hoặc sổ tiêm ngừa - có chữ ký của bác sĩ, y tá, v.v.)

CONSENT FOR MEDICAL AND/OR SURGICAL TREATMENT

I hereby grant permission to Saigon Montessori staff to administer first aid and CPR and/or seek medical attention for my child, _____ in the event such treatment is deemed necessary, and I am unable to be contacted. I further consent to medical or surgical treatment by any licensed physician and/or hospital and further consent to administration of necessary anesthetics, medical treatment, tests, transfusion, injection, or drugs, and the performing of whatever operations may be deemed necessary or advisable during his/her stay in the hospital. I will pay for ambulance services if the staff deems it necessary to call them in case of an emergency.

I declare that the information supplied on this form is correct and complete. I acknowledge that the provision of incorrect information may delay the assessing of my application.

Further, I recognize that it is my responsibility to notify my child's school should the above information change.

(Tôi đồng ý cho phép nhân viên trường Saigon Montessori sơ cứu và hô hấp nhân tạo hoặc tìm kiếm sự chăm sóc y tế cho con tôi, trong trường hợp cần thiết và không thể liên lạc được với tôi. Tôi đồng ý việc điều trị y tế hoặc phẫu thuật bởi bất kỳ bác sĩ và bệnh viện được cấp phép và đồng ý sử dụng thuốc gây mê cần thiết, điều trị y tế, xét nghiệm, truyền máu, tiêm thuốc, và thực hiện bất kỳ hoạt động nào có thể được coi là cần thiết hoặc được khuyến dùng trong thời gian con tôi được điều trị ở bệnh viện. Tôi sẽ trả tiền cho các dịch vụ xe cứu thương nếu nhân viên thấy cần thiết phải gọi cho họ trong trường hợp khẩn cấp.

Tôi xác nhận những thông tin được cung cấp trong mẫu này là chính xác và đầy đủ. Tôi hiểu việc cung cấp thông tin không chính xác có thể làm trì hoãn việc đánh giá đơn đăng ký của tôi. Tôi sẽ thông báo cho nhà trường nếu có bất kỳ thông tin nào thay đổi.)

Signature _____

Date _____